

**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Số: /TTXT-KC&HTDN
V/v hướng dẫn đăng ký hỗ trợ
khuyến công địa phương năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- UBND các xã, phường, xã đảo;
- Các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Công thương tại Công văn số 3481/SCT-QLCN ngày 26/12/2025 về việc tăng cường thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Đề công tác khuyến công năm 2026 được triển khai kịp thời và hiệu quả. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi (*gọi tắt là Trung tâm*) hướng dẫn đăng ký hỗ trợ khuyến công địa phương năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ chính sách khuyến công¹

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (*sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn*).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d) Các tổ chức, cá nhân khác tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công²

a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

b) Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

c) Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.

d) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

đ) Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

e) Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

g) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

3. Nguyên tắc lập Đề án khuyến công³

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

¹ Quy định tại Điều 1, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/12/2012 của Thủ tướng chính phủ về khuyến công; Điều 2, Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

² Quy định tại Điều 5, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/12/2012 của Thủ tướng chính phủ về khuyến công.

³ Quy định tại Điều 8, Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công; phù hợp với kế hoạch khuyến công địa phương đã được phê duyệt.

c) Phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động khuyến công.

4. Mức hỗ trợ hoạt động khuyến công

Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

5. Hồ sơ đăng ký kế hoạch đề án khuyến công

Thành phần hồ sơ: 03 bộ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công, trong đó cam kết của Đơn vị thụ hưởng đã đầu tư vốn hoặc đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ); cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi đề nghị kinh phí khuyến công hỗ trợ (*theo Phụ lục I kèm theo*)

b) Mẫu đề án khuyến công (*theo Phụ lục II kèm theo*)

c) Hồ sơ pháp lý của các Đơn vị thụ hưởng gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương; Bản sao hợp lệ Bảng cân đối kế toán (đối với các cơ sở công nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Hợp đồng thuê đất được sử dụng đúng mục đích quy định pháp luật; Bản sao hợp lệ Chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm; Hồ sơ tự công bố về sản phẩm (đối với cơ sở sản xuất liên quan về thực phẩm); Giấy phép xây dựng; Giấy phép/Cam kết về môi trường; Giấy phép về PCCC và các văn bản khác có liên quan (nếu có).

Hồ sơ đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công gửi về Trung tâm trước ngày **31/01/2026** theo địa chỉ: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi - Số 494 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi⁴.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu quan tâm, phối hợp và thông tin đến cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn để đăng ký thực hiện các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Công thương;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PKC&HTDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Tài

⁴ Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc cần hỗ trợ, hướng dẫn hồ sơ, biểu mẫu thực hiện, liên hệ: bà Lương Thị Diễm Đoan- Chuyên viên Phòng Khuyến công và Hỗ trợ doanh nghiệp - sdt: 0933040776 hoặc ông Võ Thương Cẩm - Chuyên viên Phòng Khuyến công và Hỗ trợ doanh nghiệp - sdt: 0972622229.

Phụ lục I
VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
(TÊN ĐƠN VỊ) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày ... tháng năm 2026

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

Kính gửi:

- Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

Quảng Ngãi.

Tên đơn vị:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hộ kinh doanh:

Địa chỉ:

Tên người đại diện:.....

Chức vụ:

Số điện thoại:.....

Đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương năm với nội dung như sau:

1. Tên đề án/Nội dung đề nghị hỗ trợ:

2. Địa điểm thực hiện:.....

3. Thời gian thực hiện:

4. Kinh phí thực hiện:

5. Lý do đề nghị hỗ trợ:

6. Cam kết:

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, hỗ trợ kinh phí cho đề án.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II
MẪU ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG

1. Tên đề án:.....
2. Thời gian thực hiện:.....
3. Kinh phí:.....
4. Đơn vị thực hiện:.....
 - Tên đơn vị:..... - Địa chỉ:.....
 - Điện thoại/Fax/Email:.....
 - Đại diện đơn vị:.....
 - Chức vụ:.....
 - Tài khoản số mở tại
 - Mã số thuế:.....
5. Đơn vị thụ hưởng:.....
 - Tên đơn vị:..... - Địa chỉ:.....
 - Điện thoại/Fax/Email:.....
 - Đại diện đơn vị:.....
 - Chức vụ:.....
 - Tài khoản số mở tại
 - Mã số thuế:.....
6. Địa điểm thực hiện đề án:.....
7. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện đề án.
 - Cơ sở pháp lý: Đề án được lập căn cứ vào văn bản QPPL nào?
 - Sự cần thiết phải thực hiện đề án:
8. Mục tiêu của đề án: Nêu những mục tiêu của đề án cần đạt được. Các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể đáp ứng được nhu cầu thực tế của đơn vị.
9. Quy mô đề án: Nêu các hoạt động chính của Đề án (vốn, thiết bị, công nghệ, nhà xưởng, mặt bằng, lao động (ghi rõ tổng số lao động, trong đó làm số lượng người đồng bào dân tộc thiểu số-nếu có), doanh thu hoạt động, hiệu quả kinh tế - xã hội...
10. Nội dung và tiến độ thực hiện:
 - Xác định nội dung công việc cần thực hiện.
 - Tiến độ thực hiện cho từng hạng mục hoặc từng giai đoạn cụ thể.

11. Dự toán kinh phí:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		
						Nguồn KPKC	Nguồn đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác
1								
2								
...								
Tổng cộng (bao gồm thuế VAT)								
Tổng kinh phí thực hiện đề án: ... + Kinh phí khuyến công địa phương đề nghị hỗ trợ: ... + Nguồn đóng góp của đơn vị thụ hưởng: + Nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có):								

12. Hiệu quả của đề án:

13. Các ưu tiên đối với đề án.

14. Tổ chức thực hiện:

15. Kết luận và kiến nghị:

....., ngàytháng.....năm 20...

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Chú thích:

1. Sự cần thiết: Khái quát tình hình chung (nêu tóm tắt tình hình ngành nghề trong đề án tại địa phương); lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.

2. Mục tiêu: Trình bày những mục tiêu của đề án cần đạt được. Các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể, đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở sản xuất công nghiệp.

3. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

4. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện.

6. Dự toán kinh phí:

a) Xác định tổng kinh phí cho đề án; trong đó, phân rõ cơ cấu nguồn như: Kinh phí khuyến công của tỉnh; kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có).

b) Lập thành biểu mẫu chi tiết, phù hợp với các quy định hiện hành. Nội dung biểu mẫu bao gồm các cột: Số thứ tự, chi tiết nội dung công việc, tổng kinh phí cho từng nội dung; trong đó,

kinh phí khuyến công địa phương, kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng, nguồn kinh phí khác (nếu có).

7. Tổ chức thực hiện: Trình bày phương án tổ chức thực hiện; trong đó giao nhiệm vụ và thời gian cụ thể đối với đơn vị thực hiện và đơn vị phối hợp, đơn vị được giao tổ chức thực hiện phải đúng đối tượng và đủ năng lực thực hiện.

8. Hiệu quả đề án: Trình bày rõ hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường, tính bền vững của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

9. Nêu các ưu tiên đối với đề án: địa bàn, ngành nghề, lao động, thị trường xuất khẩu (nếu có).